

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 23 THÁNG 4 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>440 570</b>	<b>180 918</b>	<b>270 947</b>			
<b>I</b>	<b>CẢNG CHÍNH</b>						<b>43 724</b>	<b>6 790</b>	<b>36 934</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<b>3 872</b>	<b>3 845</b>	<b>27</b>			
1	CHUYÊN TẢI ZHENG ZHI		170		CẨM PHẢ 21	CỤC 5A.1	2 782	2 769	13	23/4		
2	TNV HẢI DƯƠNG	23/4	1035/4	30/4	BN 1368	CỤC XỔ 1C	1 090	1 076	14	23/4	TD	GIA HẠN L1
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<b>25 552</b>	<b>2 945</b>	<b>22 607</b>			
1	ĐIỆN VŨNG ÁNG	16/4	256/4		QUANG VINH 188	CÁM 5A.10	22 800	2 902	19 898	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO: 15.800 - CLM: 7.000
2	CẦU ĐUÔNG	18/4	1054/4	25/4	HP 5097	CỤC XỔ 1C	1 000		1 000		TD	
3	CHUYÊN TẢI ZHENG ZHI		167		CỬA ÔNG 14	CÁM 1	1 752	43	1 709	RÓT DỖ		
	<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<b>14 300</b>		<b>14 300</b>			
1	KDT MIỀN BẮC	10/4	971/4	20/4	HP 6816	CÁM 5B.1	2 590		2 590		PTCB	
2	KDT HẢI BẮC	21/4	1071/4	30/4	BN 1828	CÁM 5A.1	2 250		2 250		PTCB	
3	KDT HẢI PHÒNG	23/4	1094/4	30/4	BN 2638	CÁM 5B.1	1 923		1 923		PTCB	
4	XDCN MỎ	22/4	999/4	29/4	HP 6328	CỤC XỔ 1C	1 967		1 967		TD	GIA HẠN L1
5	VTA	15/4	936/4	22/4	BN 1883	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
6	HÀNG HẢI VN	21/4	1077/4	28/4	BN 1826	CỤC XỔ 1C	1 130		1 130		TD	
7	TRƯỜNG ANH 888	22/4	1084/4	30/4	BN 2196	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	
8	VTT	23/4	1090/4	30/4	HP 6400	CỤC XỔ 1C	1 000		1 000		TD	
9	CROMIT	23/4	1096/4	30/4	HD 2225	CỤC XỔ 1C	1 040		1 040		TD	
	<i>Tàu chuyển tải</i>						<b>197 650</b>	<b>81 000</b>	<b>116 650</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<b>25 600</b>	<b>25 492</b>	<b>108</b>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	17/4	258/4		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600	25 492	108	23/4	HỘ LỚN	TTHG: 20.269,62 - KVCP: 5.221,96
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<b>122 200</b>	<b>55 509</b>	<b>66 691</b>			
1	ĐIỆN VŨNG ÁNG	17/4	260/4		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CÁM 5A.10	26 200	24 498	1 702	RÓT DỖ	HỘ LỚN	CLM: 16.000 - KVDB: 10.200
2	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	20/4	263/4		HẢI NAM 79	CÁM 6A.10	27 700	3 500	24 200	RÓT DỖ	HỘ LỚN	CLM: 19.000 - KVCP: 8.700
3	ĐIỆN DUYÊN HẢI	20/4	264/4		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 5B.14	26 300	2 100	24 200	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 16.300 - KDTCP: 10.000
4	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	21/4	253-B/4		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	42 000	25 411	16 589	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO: 25.410,60 - CLM: 10.000 - KVCP: 7.000
	<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						<b>49 850</b>		<b>49 850</b>			
1	ĐIỆN DUYÊN HẢI	17/4	259/4		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.14	26 300		26 300		HỘ LỚN	TTCO: 10.300 - CLM: 16.000
2	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/4	266-B/4		GOLDEN STAR	CÁM 6A.1	23 550		23 550		HỘ LỚN	TTHG: 19.000 - KVCP: 4.550
<b>II</b>	<b>KHO G9-HÓA CHẤT</b>						<b>37 966</b>	<b>10 773</b>	<b>27 193</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<b>10 270</b>	<b>10 128</b>	<b>142</b>			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 23 THÁNG 4 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1	ĐAM NINH BÌNH	21/4	271/4	30/4	NB 8611	CÁM 4A.1	3 100	3 008	92	23/4	HỘ LỚN	
2	ĐTTM&DV	21/4	1079/4	28/4	BN 1388	CÁM 4A.1	1 950	1 929	21	23/4	TD	NGUỒN CS
3	TNV HẢI DƯƠNG	22/4	1088/4	30/4	HP 6131	CÁM 8A	1 800	1 798	2	23/4	TD	NGUỒN ĐN-CS
4	MV GOLDEN FUTURE	19/4	1 939		SƠN HẢI 07	TNK (ỨC)	3 420	3 394	26	23/4		
<b>Tàu dự kiến rút trong ngày</b>							<b>3 450</b>	<b>645</b>	<b>2 805</b>			
1	ĐTTM&DV	23/4	931/04	30/4	BN 2388	CỤC 1A	1 350		1 350		TD	NGUỒN ĐN-CS
2	MV GOLDEN FUTURE	19/4	1 930		CỬA ÔNG 19	TNK (ỨC)	2 100	645	1 455	BỐC ĐỖ		
<b>Tàu đã làm lệnh</b>							<b>24 246</b>		<b>24 246</b>			
1	COALIMEX	22/4	1018/4	30/4	BN 2009	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
2	THAN MIỀN TRUNG	22/4	1019/4	30/4	TRUNG KIẾN 01	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
3	ĐTTM&DV	22/4	1020/4	30/4	BN 0869	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-CS
4	ĐT TM & DV	19/4	1060/4	26/4	BN 2335	CỤC 1A	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
5	THAN MIỀN NAM	21/4	1073/4	28/4	THANH TÙNG 01	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	NGUỒN ĐN-CS
6	COALIMEX	21/4	1078/4	28/4	BN 2519	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
7	SÔNG HỒNG	22/4	1085/4	30/4	BN 2611	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN CS
8	DVVT QN	22/4	1004/4	30/4	BN 1798	ĐON 8C	1 200		1 200		TD	NGUỒN HL
9	ĐT TM & DV	18/4	943B/04	25/4	BN 1997	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	NGUỒN ĐN-CS
10	XNK THAN	23/4	944/04	30/4	BN 1135	CỤC 1B	910		910		TD	NGUỒN ĐN-CS
11	VT QUẢNG NINH	23/4	945/04	30/4	BN 0718	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-CS
12	ĐT TM & DV	23/4	946/04	30/4	BN 1386	CỤC 1B	1 166		1 166		TD	NGUỒN ĐN-CS
13	DVVT QN	23/4	1030/4	30/4	BN 1718	CỤC 1C	1 100		1 100		TD	NGUỒN TTCO
14	ĐTTM&DV	23/4	941/4	30/4	PHÚC THỊNH 18	CÁM 8A	940		940		TD	NGUỒN ĐN-CS
15	ĐTTM&DV	23/4	941/4	30/4	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN TN
16	MV GOLDEN FUTURE	20/4	1 966		CỬA ÔNG 16	TNK (ỨC)	2 100		2 100			
17	MV GOLDEN FUTURE	22/4	1 984		CỬA ÔNG 06	TNK (ỨC)	2 100		2 100			
18	MV GOLDEN FUTURE	23/4	2 002		CẨM PHẢ 22	TNK (ỨC)	3 880		3 880			
<b>III</b>	<b>KHO BẢO NGUYỄN</b>						<b>8 708</b>	<b>-</b>	<b>8 708</b>			
<b>Tàu đã làm hàng</b>												
<b>Tàu dự kiến rút trong ngày</b>							<b>1 620</b>		<b>1 620</b>			
1	ĐIỆN PHẢ LẠI	21/4	268/4	30/4	QN 4080	CÁM 5A.10	1 620		1 620		HỘ LỚN	
<b>Tàu đã làm lệnh</b>							<b>7 088</b>		<b>7 088</b>			
1	ĐIỆN PHẢ LẠI	21/4	272/4	30/4	HD 5866	CÁM 5A.10	3 184		3 184		HỘ LỚN	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 23 THÁNG 4 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2	ĐIỀN PHẢ LAI	22/4	273/4	30/4	HN 0259	CÁM 5A.10	3 904		3 904		HỘ LỚN	
<b>IV</b>	<b>KHO CẢNG KM6</b>						<b>24 242</b>	<b>9 216</b>	<b>15 026</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>6 320</i>	<i>6 279</i>	<i>41</i>			
1	COALIMEX	22/4	1 089	30/4	HOÀNG ANH 68	CÁM 6A.1	4 000	3 989	11	23/4	PTCB	
2	ĐTTM&DV	17/4	1 042	24/4	BN 0679	CỤC 1B	1 250	1 241	9	23/4	TD	NGUỒN QH
3	DVVT QN	22/4	1 080	30/4	HP 6739	BÙN 3C	1 070	1 048	22	23/4	TD	NGUỒN QH
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						<i>12 858</i>	<i>2 937</i>	<i>9 921</i>			
1	NHÔM LÂM ĐỒNG	23/4	1 095	30/4	HOÀNG ANH 39	CÁM 5A.1	1 630		1 630		BAUXIT	
2	NHÔM LÂM ĐỒNG	23/4	1 095	30/4	HOÀNG ANH 39	CỤC 4A.2	1 340		1 340		BAUXIT	
3	KDT MIỀN BẮC	22/4	1 087	30/4	HP 6068	CÁM 6A.1	5 538	2 937	2 601	RÓT DỖ	PTCB	
4	KDT HÀ BẮC	23/4	1 092	30/4	BN 2369	CÁM 5A.1	2 400		2 400		PTCB	
5	KDT HÀ BẮC	23/4	1 093	30/4	BG 0668	CÁM 5B.1	1 950		1 950		PTCB	
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>5 064</i>		<i>5 064</i>			
1	KDT MIỀN BẮC	23/4	1 091	30/4	HP 5776	CÁM 6A.1	5 064		5 064		PTCB	
<b>V</b>	<b>TÀU XUẤT KHẨU</b>						<b>62 500</b>	<b>34 439</b>	<b>39 356</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						<i>57 500</i>	<i>34 439</i>	<i>34 356</i>			
1	BỈ	15/4	31-B/4/XK		MV ZHENG ZHI	CỤC 2B.2	20 000	11 295	20 000	RÓT DỖ		
2	BỈ	15/4	31-B/4/XK		MV ZHENG ZHI	CỤC 4A.3	10 000	4 735	5 265	RÓT DỖ		
3	BỈ	15/4	31-B/4/XK		MV ZHENG ZHI	CỤC 4B.3	10 000	5 910	4 090	RÓT DỖ		
4	BỈ	15/4	31-B/4/XK		MV ZHENG ZHI	CỤC 5A.1	7 500	5 499	2 001	RÓT DỖ		
5	BỈ	15/4	31-B/4/XK		MV ZHENG ZHI	CÁM 1	10 000	7 000	3 000	RÓT DỖ		
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>5 000</i>		<i>5 000</i>			
1	THÁI LAN	23/4	35-B/4/XK		MV HOANG TRIEU 69	CỤC 4B.3	5 000		5 000			
<b>VI</b>	<b>TÀU NHẬP KHẨU</b>		<b>ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH</b>				<b>65 780</b>	<b>38 700</b>	<b>27 080</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						<i>45 000</i>	<i>38 700</i>	<i>6 300</i>			
1	ÚC		CLM		MV GOLDEN FUTURE		45 000	38 700	6 300	BỐC DỖ		TTCO: 30.000 - KVCP: 15.000
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>20 780</i>		<i>20 780</i>			
1	LÀO		CLM		TRƯỜNG NGUYỄN STAR		8 180		8 180			TTCO: 8.180
2	LÀO		CLM		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN		12 600		12 600			KVCP: 12.600
3	MOZAMBIQUE		CLM		GLEAMSTAR		9 400		9 400			KVCP: 9.400